

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **38/2025/HNGĐ – ST**
Ngày: 16-6-2025
V/v tranh chấp: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thận;
2. Ông Trần Đức Hòa;

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Dũng – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước

Trong ngày 16 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 55/2025/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2025, về việc “Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/2025/QĐST – HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2025 giữa:

1. *Nguyên đơn:* chị Hồ Thị Ánh T, sinh ngày: 9/9/1980

Số căn cước công dân: 070180002059, Cục CS QLHC về trật tự xã hội cấp ngày 16/4/2021

Nơi cư trú: thôn 1, xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước

2. *Bị đơn:* anh Phạm Văn T; sinh năm: 1981

Số căn cước công dân: 070081007338

Nơi cư trú: thôn 1, xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt và có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 12 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hồ Thị Ánh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn T tự nguyện chung sống năm 2005. Chị và anh Phạm Văn T tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 51, quyển số 01, ký ngày 19/7/2005. Quá trình chung sống chị và anh Phạm Văn T xảy ra nhiều mâu thuẫn về kinh tế và nuôi dạy con cái. Anh Phạm Văn T không chí thú

làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình và vợ con. Ngoài ra, anh Phạm Văn T có lời lẽ xúc phạm chị. Từ năm 2014 chị về nhà bà ngoại sinh sống cho đến nay. Chị và anh Phạm Văn T có thời gian ly thân dài, tình cảm vợ chồng không còn, chỉ còn tồn tại quan hệ hôn nhân về mặt pháp luật. Do đó, nay chị làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn T.

Về con chung: chị và anh Phạm Văn T có hai con chung là cháu Phạm Hồ Tân M, sinh ngày: 26/01/2007 và cháu Phạm Hồ Tân Q, sinh ngày: 21/9/2004. Do hai con đã thanh niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi dưỡng, cấp dưỡng.

Về cấp dưỡng: không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Văn T vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình giải quyết vụ án anh Phạm Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh và Hồ Thị Ánh T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước. Trong thời gian chung sống, giữa vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn về kinh tế và nuôi dạy con cái. Anh và chị Hồ Thị Ánh T sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Hiện nay, các bên không còn tình cảm nên anh đồng ý ly hôn với chị Hồ Thị Ánh T.

Về con chung: anh và chị Hồ Thị Ánh T có hai người con chung tên là cháu Phạm Hồ Tân M, sinh ngày: 26/01/2007 và cháu Phạm Hồ Tân Q, sinh ngày: 21/9/2004. Do hai con đã thanh niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi dưỡng, cấp dưỡng.

Về cấp dưỡng: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: anh Phạm Văn T (là bị đơn) vắng mặt nhưng có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Phạm Văn T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: anh Phạm Văn T và chị Hồ Thị Ánh T đều khai nhận anh chị có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước cấp giấy chứng nhận kết hôn số 51, quyển số 01, ký ngày 19/7/2005. Lời khai của anh Phạm Văn T và chị Hồ Thị Ánh T phù hợp với Giấy chứng nhận

kết hôn đã được giao nộp hợp pháp (bút lục số 03). Khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch”*. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh Phạm Văn T và chị Hồ Thị Ánh T là hợp pháp.

[3] Về yêu cầu giải quyết ly hôn của chị Hồ Thị Ánh T: chị Hồ Thị Ánh T khai nhận quá trình chung sống giữa vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn về kinh tế và nuôi dạy con cái. Đến năm 2014 thì vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị Hồ Thị Ánh T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Phạm Văn T nhất trí với lời khai của chị Hồ Thị Ánh T về mâu thuẫn. Anh Phạm Văn T cũng thừa nhận vợ chồng sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Xét thấy, anh Phạm Văn T và chị Hồ Thị Ánh T có xảy ra mâu thuẫn và có thời gian sống ly thân dài từ năm 2014 cho đến nay. Hai bên đều không có thiện chí hòa giải. Như vậy, có đủ cơ sở xác định giữa anh Phạm Văn T và chị Hồ Thị Ánh T nảy sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện nay, hai bên đều có mong muốn ly hôn. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Hồ Thị Ánh T.

[4] Về con chung: Anh Phạm Văn T và chị Hồ Thị Ánh T khai nhận anh chị có 02 con chung tên là cháu Phạm Hồ Tân M, sinh ngày: 26/01/2007 và cháu Phạm Hồ Tân Q, sinh ngày: 21/9/2004. Lời khai của anh Phạm Văn T và chị Hồ Thị Ánh T phù hợp với giấy khai sinh đã được giao nộp hợp pháp.

Xét, cháu Phạm Hồ Tân M và cháu Phạm Hồ Tân Q đã thành niên, có đủ năng lực hành vi dân sự, chị Hồ Thị Ánh T và anh Phạm Văn T yêu cầu giải quyết về nuôi dưỡng, cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về chia tài sản chung: anh Phạm Văn T và chị Hồ Thị Ánh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: anh Phạm Văn T và chị Hồ Thị Ánh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định: *“Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn”*. Do đó, nguyên đơn chị Hồ Thị Ánh T phải nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[8] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị Ánh T. Chị Hồ Thị Ánh T được ly hôn với anh Phạm Văn T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 51, quyển số 01, ký ngày 19/7/2005 của Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước không có giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: cháu Phạm Hồ Tân M, sinh ngày: 26/01/2007 và cháu Phạm Hồ Tân Q, sinh ngày: 21/9/2004 đã thành niên có đủ năng lực hành vi dân sự, không yêu cầu giải quyết về nuôi dưỡng, cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Anh Phạm Văn T và chị Hồ Thị Ánh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Anh Phạm Văn T và chị Hồ Thị Ánh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Nguyên đơn chị Hồ Thị Ánh T phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp trước là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0009668 ký ngày 18 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước (đã nộp xong).

6. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 16/6/2025). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
 - VKSND huyện B;
 - Chi cục THADS huyện B;
 - UBND xã;
 - Các đương sự;
 - Cổng thông tin điện tử Tòa án;
 - Lưu hồ sơ vụ án;
 - Lưu VP.
- (8 bản)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thị Phương Hạnh

